



HAIHACHEM

SEC BUTYL ACETAT(MSDS)

Ngày cập nhật: 01/01/2025

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

1.1. Nhận dạng hóa chất

Tên sản phẩm

: Sec Butyl acetate

Tên gọi khác

: 2-Butyl axetat

Công thức hóa học

: $C_6H_{12}O_2$

Số CAS

: 105-46-4

Số UN

: 1123

Số EC

: 203-300-1

Mục đích sử dụng

: Sử dụng như một dung môi chỉ dùng trong các qui trình sản xuất công nghiệp.

1.2. Nhận dạng Công ty

Nhà nhà cung cấp/nhập khẩu

: CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HẢI HÀ

Địa chỉ

: Lô CN5.2Q, Khu hóa chất hóa dầu, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Số điện thoại

: 0225.883.2929

Fax

: 0225.883.2929

Email

: haiha@haihachem.com

Website

: <http://haihachem.com/>

2. NHẬN DẠNG NGUY CƠ ĐỘC HẠI

2.1. Phân loại theo hệ thống GHS

Phân loại

Chất lỏng dễ cháy

Cấp 2

Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng

Cấp 2

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Cấp 3

Độc cấp tính

Cấp 5

Nguy hại hô hấp

Cấp 1

Ăn mòn/Kích ứng da

Cấp 2

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.



Biểu tượng nhãn GHS



2.2. Cảnh báo nguy hiểm

Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Các cảnh báo nguy hiểm GHS

Cảnh báo nguy hiểm

H225: Chất lỏng và hơi dễ cháy cao.
H315: Gây kích ứng da.
H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Biện pháp phòng ngừa

Phòng ngừa

P210: Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa, bề mặt nóng. Cấm hút thuốc
P233: Đóng chặt bình chứa
P240+241: Nối đất/ sử dụng thiết bị chống cháy nổ
P242+243: Chỉ sử dụng công cụ không phát tia lửa điện/ Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện
P280: Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/kính bảo hộ/mặt nạ bảo hộ.
P261: Tránh hít phải bụi/khói/khí/sương/hơi/nước xịt ra
P273: Tránh thải ra môi trường.
P264: Rửa tay kỹ sau khi xử lý.

Biện pháp ứng phó

P280: Đeo găng tay, quần áo bảo hộ, bảo vệ mắt, bảo vệ mặt, bảo vệ thính giác
P303+361+353: Nếu dính vào da, cởi bỏ ngay tất cả quần áo nhiễm bẩn, rửa sạch hoặc tắm với nước
P302+P352: Nếu dính vào da: rửa bằng nhiều nước
P362: Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.
P305+P351+P338: Nếu tiếp xúc với mắt: rửa kỹ với nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng nếu có và dễ dàng. Tiếp tục rửa.
P321: Điều trị cụ thể (xem .. trên nhãn này)
P332+P313: Nếu bị kích ứng da, Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế.
P337+P313: Nếu vẫn bị kích ứng mắt, Tìm kiếm tư vấn/chăm sóc y tế
P370+378: Trong trường hợp hỏa hoạn, sử dụng cát, hóa chất khô, bọt chịu cồn để dập lửa

Nơi cất giữ

P403+P235: bảo quản nơi thông thoáng .Giữ mát.

Thải bỏ

P501: Vứt bỏ các thành phần và thùng chứa tới nơi chôn lấp chất thải phù hợp với quy định của địa phương và quốc gia.

3. THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên hóa chất

Số CAS

Hàm lượng



Sec Butyl acetate

105-46-4

<100%

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

- | | |
|--------------------------------------|---|
| 4.1. Sau khi hít phải | Chuyển nạn nhân sang nơi có không khí trong lành. Nếu không hồi phục nhanh thì chuyển tới cơ sở y tế gần nhất để điều trị. |
| 4.2. Sau khi tiếp xúc với da | Loại bỏ quần áo bị nhiễm độc. Rửa sạch với nước/vòi hoa sen. Phơi nhiễm lập lại có thể gây khô và nứt nẻ da. |
| 4.3. Sau khi tiếp xúc với mắt | Ngay lập tức rửa sạch mắt với nhiều nước. Loại bỏ kính áp tròng nếu có và để thực hiện. Tiếp tục rửa. Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. |
| 4.4. Sau khi nuốt phải | Nếu nuốt phải, đừng gây nôn. Nếu xảy ra nôn một cách tự nhiên, giữ đầu dưới hông để ngăn tràn lại. Không ăn uống gì. Tham vấn bác sĩ. |

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- | | |
|--|--|
| 5.1. Nguy hại cụ thể | <p>Dễ dàng bắt lửa bởi nhiệt, tia lửa hoặc ngọn lửa.</p> <p>Hơi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí.</p> <p>Hơi có thể di chuyển đến nguồn đánh lửa và bùng cháy trở lại.</p> <p>Hầu hết hơi nặng hơn không khí. Chúng sẽ lan tỏa trên mặt đất và tích tụ ở những khu vực thấp hoặc hạn chế (cổng rãnh, tầng hầm, bể chứa, v.v.).</p> <p>Nguy cơ nổ hơi trong nhà, ngoài trời hoặc trong cổng rãnh.</p> <p>Các chất được chỉ định bằng chữ (P) có thể trùng hợp gây nổ khi đun nóng hoặc tiếp xúc với lửa.</p> <p>Nước chảy vào cổng có thể gây ra nguy cơ cháy nổ.</p> <p>Các thùng chứa có thể phát nổ khi bị đun nóng.</p> <p>Nhiều chất lỏng sẽ nổi trên mặt nước.</p> |
| 5.2. Phương tiện chữa cháy | Sử dụng bột chống cồn, bột, bột, carbon dioxide, bình xịt nước mịn. Trong trường hợp hỏa hoạn: giữ cho thùng phuy, v.v. mát bằng cách phun nước. |
| Phương tiện chữa cháy phù hợp | |
| Phương tiện chữa cháy không phù hợp | Tia nước mạnh. |
| 5.3. Thiết bị bảo hộ cho lính cứu hỏa | Mặc quần áo bảo hộ và thiết bị dưỡng khí đầy đủ. |

6. BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ TAI NẠN

Lưu ý: Tuân theo các quy định liên quan của địa phương và quốc tế.

- | | |
|---|---|
| 6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình ứng phó khẩn cấp | Tránh tiếp xúc với hóa chất bị đổ hoặc tràn ra. Tránh hít phải hơi, sương hoặc khí. Cởi bỏ quần áo nhiễm độc ngay lập tức. Để được hướng dẫn lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, xem chương 8 của tài liệu này. Để được hướng dẫn thải bỏ hóa chất bị đổ, xem chương 13 của tài liệu này. |
| 6.2. Biện pháp phòng ngừa môi trường | Bịt kín các lỗ rò rỉ nếu có thể mà không gây rủi ro cho cá nhân. Loại bỏ tất cả các nguồn có thể gây cháy ở khu vực xung quanh. Dùng các công cụ ngăn chặn thích hợp (thiết bị và nước cứu hỏa) để tránh ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn lan tỏa hoặc xâm nhập vào cống, mương hoặc sông bằng cách dùng cát, đất hoặc các vật |

**6.3. Các phương pháp và vật liệu để chứa và dọn dẹp**

ngăn chặn thích hợp khác. Ví dụ, cố gắng phân tán hơi hoặc hướng đi của nó tới nơi an toàn bằng cách xịt sương. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh điện. Đảm bảo sự liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị.

Đối với sự cố tràn chất lỏng nhiều (hơn 1 thùng phuy), sử dụng phương tiện cơ học như xe hút chân không hút vào bể chứa hộ để thu hồi hoặc xử lý an toàn. Không rửa trôi phần cặn bã bằng nước, để nguyên nó như phần thải ô nhiễm. Cho phép phần cặn bay hơi hoặc ngâm nó với một chất hấp thụ thích hợp và thải bỏ an toàn. Với sự cố tràn chất lỏng ít (nhỏ hơn 1 thùng phuy), dùng phương tiện cơ học chuyển sang thùng chứa dán nhãn, niêm phong để thu hồi hoặc thải bỏ an toàn. Cho phép phần cặn còn lại bay hơi hoặc ngâm nó với chất hấp thụ thích hợp và thải bỏ an toàn. Lây phần đất ô nhiễm và thải bỏ an toàn.

6.4. Tư vấn bổ sung

Thông báo cho chính quyền nếu xảy ra bất kỳ xâm nhiễm nào ra công cộng hoặc môi trường. Hơi có thể tạo thành hỗn hợp gây nổ với không khí.

7. LƯU Ý VỀ THAO TÁC VÀ LƯU TRỮ**7.1. Lưu ý về thao tác**

Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn

Quan sát cảnh báo ghi trên nhãn. Tránh hít phải hơi hoặc sương. Chỉ sử dụng ở nơi thông gió. Rửa kỹ càng sau khi xử lý. Về việc hướng dẫn lựa chọn thiết bị bảo hộ cá nhân, xem chương 8 của tài liệu này. Dùng thông tin trong tài liệu này làm đầu vào để đánh giá tình trạng rủi ro trong khu vực địa phương để giúp xác định các biện pháp kiểm soát phù hợp cho giải quyết, lưu trữ và xử lý an toàn hóa chất này. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Dập tắt mọi ngọn lửa trần. Không hút thuốc. Loại bỏ các tác nhân gây cháy. Tránh tia lửa. Điện tĩnh có thể tạo ra trong quá trình bơm. Điện tĩnh có thể tạo ra lửa. Đảm bảo sự liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế vận tốc dòng trong quá trình bơm để tránh tạo ra sự phóng tĩnh điện ($\leq 1\text{m/giây}$ cho đến khi đường ống ngập bằng hai lần đường kính của nó, sau đó là $\leq 7\text{m/giây}$). Tránh làm bắn nước. Không dùng khí nén để phun, xả hoặc tiến hành các xử lý. Hơi này nặng hơn không khí, lan tỏa trên mặt đất và có thể bắt lửa từ xa. Việc mở và xử lý thùng chứa phải thận trọng trong một khu vực thông gió tốt. Khu vực làm việc phải được thông gió sao cho nồng độ hóa chất không vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp. Không được đổ xuống cống rãnh.

Thận trọng trong việc xử lý

7.2. Lưu ý về lưu trữ

Các điều kiện lưu trữ an toàn

Các bể chứa khối lượng lớn nên được đặt trong khu vực thông gió tốt và phải bao bọc xung quanh, tránh xa ánh nắng mặt trời, các nguồn gây cháy và các nguồn nhiệt khác. Các thùng chứa đang mở phải được chiết rót cẩn thận và giữ phần mở hướng lên trên để hạn chế rò rỉ. Nhạy cảm với độ ẩm.

Lưu ý khi vận chuyển hóa chất

Sự phóng tĩnh điện có thể xảy ra trong quá trình bơm. Phóng tĩnh điện có thể gây cháy. Đảm bảo tính liên tục dòng điện bằng cách liên kết và nối tiếp đất tất cả các thiết bị. Hạn chế vận tốc dòng trong quá trình bơm để tránh tạo ra phóng tĩnh điện ($\leq 1\text{m/giây}$ cho đến khi đường ống ngập bằng 2 lần đường kính của nó, sau đó là $\leq 7\text{m/giây}$). Tránh làm bắn nước. Không dùng khí nén để phun, xả, hoặc xử lý các hoạt động.

Vật liệu khuyến dùng

Đối với các thùng chứa, hoặc vật liệu lót thùng chứa, dùng thép nhẹ, thép không gỉ. Đối với sơn thùng chứa, sử dụng sơn epoxy, sơn silicat zinc.

Vật liệu không phù hợp

Cao su tự nhiên, cao su butyl, cao su nitrile.

Lời khuyên về thùng chứa

Các thùng chứa, ngay cả các thùng trống, có thể chứa hơi gây nổ. Không cắt, khoan, mài, hàn hoặc thực hiện các thao tác tương tự trên hoặc gần các thùng chứa.

**7.3. Lưu ý khác**

Đảm bảo tuân thủ tất cả các quy định địa phương liên quan đến thao tác xử lý và các thiết bị lưu trữ.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN**8.1. Thông số kiểm soát**

Các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Chất	Nguồn	Kiểu	ppm	mg/m ³	Ký hiệu
Sec-butyl acetat	ACGIH	TWA	200		
	ACGIH	STEL	150		
	OSHA		200	950	
	IDLH	US IDLH	1700		
	NIOSH	REL	200	950	

8.2. Các kiểm soát phơi nhiễm**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp**

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên cho việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân. Có hệ thống thông gió toàn bộ và cục bộ theo tiêu chuẩn kỹ thuật được phê duyệt.

Thiết bị bảo hộ cá nhân**Lời khuyên chung**

Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít phải hơi hoặc sương phun ra. Chỉ xử lý trong khu vực được trang bị vòi hoa sen an toàn. Vòi nước rửa mắt phải luôn sẵn sàng.

Các biện pháp vệ sinh

Khi làm việc không được ăn, uống hoặc hút thuốc. Cởi bỏ toàn bộ quần áo nhiễm độc ngay lập tức. Rửa tay ngay trước khi nghỉ và sau khi xử lý sản phẩm.

Bảo vệ hô hấp

Nếu có hóa chất hoặc hơi bay ra, yêu cầu dùng thiết bị bảo vệ hô hấp (bộ lọc khí A).

Bảo vệ tay

Đeo găng tay chống hóa chất (cao su butyl) hoặc tham khảo ý kiến của nhà sản xuất găng tay.

Bảo vệ mắt/mặt

Dùng kính bảo hộ an toàn. Ngoài kính bảo hộ, đeo thêm mặt nạ nếu có nguy cơ bị bắn vào mặt. Các thiết bị phải phù hợp với EN 166.

Bảo vệ da

Dùng quần áo chống thấm nước, chống tĩnh điện và chống cháy.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Cảm quan

Chất lỏng không màu

Mùi

Mùi trái cây

Ngưỡng mùi

Thấp 3,0ppm.Cao 7ppm

pH

Chưa có dữ liệu

Điểm sôi

112 °C ở 1,013 hPa

Điểm nóng chảy/đóng băng

-99°C ở 1,013 hPa



Điểm chớp cháy	62.0 °F - cốc kín
Giới hạn nổ/cháy trong không khí	Giới hạn trên của cháy nổ: 7,6 %(V) Giới hạn dưới của cháy nổ: 1,2 %(V)
Nhiệt độ tự bốc cháy	421.0 °C ở 1,013 hPa
Áp suất hơi	17 mm Hg ở 20 °C
Trọng lượng riêng	870 kg/m ³ tại 20 °C
Độ hòa tan trong nước	6200 mg/L ở 20 °C
Hệ số phân tán n-octanol/nước (log Pow)	log Pow: 1,51 ở 20 °C - Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.
Nhiệt độ phân hủy	Dữ liệu không có sẵn
Mật độ hơi (không khí = 1)	4,0
Tốc độ bay hơi (nBuAc=1)	5.0 (Ete = 1)
Trọng lượng phân tử	116,16g/mol

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

10.1. Độ ổn định hóa học	Ổn định dưới điều kiện bình thường (nhiệt độ phòng).
10.2. Điều kiện cần tránh	Tránh bất cứ nguồn gây lửa nào. Tránh nhiệt, tia lửa, ngọn lửa trần và tĩnh điện. Tránh tiếp xúc với độ ẩm cao. Các chất không tương thích.
10.3. Chất không tương thích	Axit, bazơ, cao su, đồ nhựa.
10.4. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm	CO, CO ₂ và các loại khí dễ cháy sẽ được tạo ra khi chất này trải qua quá trình đốt cháy hoặc bốc nhiệt hoặc oxy hóa.
10.5. Khả năng phản ứng nguy hiểm	Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với cá chất oxy hóa mạnh. Có thể phân hủy mạnh khi tiếp xúc với bazơ, axit.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

11.1. Thông tin về tác động độc hại

Cơ sở đánh giá	Thông tin được đưa ra dựa trên việc thí nghiệm sản phẩm, và/hoặc các chất tương tự, và/hoặc các thành phần tương tự.
Các cách lây nhiễm	Phơi nhiễm có thể xảy ra qua đường hô hấp, ăn uống, qua da, mắt hoặc vô tình nuốt phải.

11.2. Ngộ độc cấp tính	LD50 Đường miệng - Chuột - con cái - 10,760 mg/kg (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 423) Triệu chứng: Rủi ro hít vào khi nôn ra., Hít phải có thể gây ra viêm hoặc phù phổi. LD50 Da - Thỏ - Đực và cái - 14,112 mg/kg (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402)
11.3. Ăn mòn/kích ứng da	Da - Thỏ Kết quả: Không gây kích ứng da - 4 h (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404) Hiệu ứng mất nước khiến da bị thô và nứt nẻ.

11.4. Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Mắt - Thỏ Kết quả: Không gây kích ứng mắt (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405)
---	--

11.5. Kích thích hô hấp hoặc da	Chưa có dữ liệu
--	-----------------

**11.6. Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)**

Xét nghiệm Ames E.coli/Salmonella typhimurium

Kết quả: Âm tính

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 474 Chuột nhắt - Đực và cái - Hồng cầu (erythrocytes) Kết quả: Âm tính

IARC: Không có thành phần nào của sản phẩm này có ở mức lớn hơn hoặc bằng 0,1% được IARC xác định là chất gây ung thư có khả năng, có thể hoặc đã được xác nhận ở người.

11.7. Tác nhân gây ung thư

NTP: Không có thành phần nào của sản phẩm này có ở mức lớn hơn hoặc bằng 0,1% được NTP xác định là chất gây ung thư đã biết hoặc dự đoán.

OSHA: Không có thành phần nào của sản phẩm này có ở mức lớn hơn hoặc bằng 0,1% được OSHA xác định là chất gây ung thư hoặc chất gây ung thư tiềm tàng. Chưa có dữ liệu

Có thể gây buồn ngủ và chóng mặt. - Hệ thần kinh trung ương
Độc tính cấp theo đường miệng - Rủi ro hít vào khi nôn ra., Hít phải có thể gây ra viêm hoặc phù phổi

11.8. Độc tính sinh sản

Đặc tính phá vỡ nội tiết

Sản phẩm:

11.9. Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Đánh giá : Chất/hỗn hợp này không chứa thành phần có các đặc tính gây rối loạn nội tiết theo Điều 57 (f) REACH hoặc theo Quy định Ủy quyền của Ủy ban Châu Âu (EU) 2017/2100 hoặc Quy định của Ủy ban Châu Âu (EU) 2018/605 ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

11.10. Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại

Lượng độc lặp lại - Chuột - Đực và cái - Đường miệng - 90 Days - Mức ảnh hưởng có hại không quan sát được - 200 mg/kg mê man, Kích ứng phổi, đau ngực, phù phổi, Suy giảm hệ thần kinh trung ương, Viêm da, Rối loạn đường ruột, Tổn thương gan có thể xảy ra., Tổn thương thận có thể xảy ra., Rối loạn máu Theo hiểu biết tốt nhất của chúng tôi, các đặc tính hóa học, vật lý, và độc tính chưa được nghiên cứu kỹ. Dây thần kinh. -

11.11. Nguy hại hô hấp**11.12. Thông tin thêm****12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI****12.1. Ngộ độc cấp tính**

Cá

Thử nghiệm chảy LC50 - Pimephales promelas (cá tuế đầu to) - 18 mg/l - 96 h (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203)

Động vật không xương sống dưới nước

Thử nghiệm tĩnh EC50 - Daphnia magna (Bọ nước) - 44 mg/l - 48 h (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202)

Tảo



Vi khuẩn	Thử nghiệm tính ErC50 - Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục) - 397 mg/l - 72 h (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201) Ghi chú: (tương tự với các sản phẩm giống nhau)
12.2. Tính lưu động	Thử nghiệm tính IC50 - Tetrahymena pyriformis (nguyên sinh vật có lông tơ) - 356 mg/l - 40 h Dữ liệu không có sẵn.
12.3. Tính phân hủy sinh học	Hiếu khí - Thời gian phơi nhiễm 28 d Kết quả: 83 % - Dễ phân hủy sinh học. (Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301D)
12.4. Khả năng tích lũy sinh học	Chưa có dữ liệu
12.5. Độ linh động trong đất	Chưa có dữ liệu
12.6. Kết quả đánh giá PBT và vPvB	Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.
12.7. Đặc tính phá vỡ nội tiết.	Chưa có dữ liệu
12.5. Thông tin khác	Khi được vứt bỏ đúng cách, các nhà máy xử lý nước thải sinh học đã thích ứng sẽ không bị hỏng hóc mất chức năng.

13. XỬ LÝ CHẤT THẢI

13.1. Loại bỏ chất thải	Phục hồi hoặc tái chế nếu có thể. Trách nhiệm của người xử lý chất thải là xác định độc tính và tính chất vật lý của chất thải được tạo ra để xác định phương pháp phân loại và phương pháp thải bỏ phù hợp theo quy định hiện hành. Không vứt bỏ vào trong môi trường, cống hoặc nguồn nước. Chất thải không được phép làm ô nhiễm vào đất hoặc nguồn nước.
13.2. Loại bỏ thùng chứa	Xả hết thùng chứa. Sau khi xả, thông hơi ở một nơi an toàn cách xa lửa. Phần cặn bã có thể gây ra nguy hại cháy nổ. Không đâm, cắt, hoặc hàn các thùng phuy chưa được làm sạch. Chuyển đến nơi thu hồi thùng phuy hoặc thu hồi kim loại.
13.3. Luật pháp địa phương	Việc xử lý chất thải phải phù hợp với luật và quy định áp dụng cho khu vực, quốc gia, và địa phương.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

14.1. DOT

Hạng	: 3
Nhóm đóng gói	: II
Số UN	: UN 1123
Tên hàng vận chuyển	: Sec Butyl acetates

**14.2. IATA**

Số UN	: UN 1123
Tên hàng vận chuyển	: Sec Butyl acetates
Hạng/mục	: 3
Nhóm đóng gói	: II

14.3. IMDG

Số UN	: UN 1123
Tên hàng vận chuyển	: Sec Butyl acetates
Hạng	: 3
Nhóm đóng gói	: II

15. THÔNG TIN PHÁP LUẬT**15.1. Tình trạng khai báo, đăng ký danh sách hóa chất của các quốc gia**

AICS	Đã liệt kê
DSL	Đã liệt kê
IECSC	Đã liệt kê
ENCS (JP)	Đã liệt kê
TSCA	Đã liệt kê
EINECS	Đã liệt kê 203-300-1
KECL (KR)	Đã liệt kê
PICCS (PH)	Đã liệt kê

15.2. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Luật hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 10 năm 2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất
- Nghị định 82/2022/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 10 năm 2017 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ
- QCVN 05A:2020/BCT, quy chuẩn quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm

16. THÔNG TIN KHÁC**16.1. Cảnh báo nguy hiểm theo GHS**

H225	: Hơi và chất lỏng dễ cháy.
H315	: Gây kích ứng da.
H319	: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng



16.2. Lưu ý cho người đọc

: Thông tin trong tài liệu này được biên soạn dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi nhằm để sử dụng cho mục đích bảo vệ sức khỏe, an toàn và môi trường. Hóa chất trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo điều kiện sử dụng và tiếp xúc.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HẢI HÀ